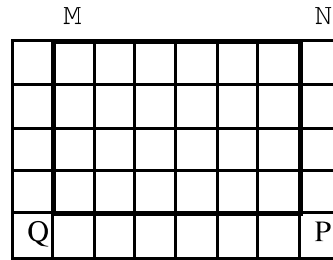
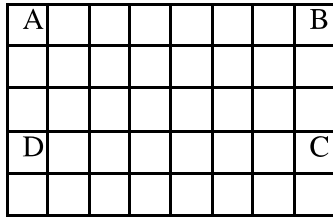


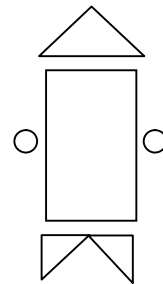
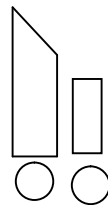
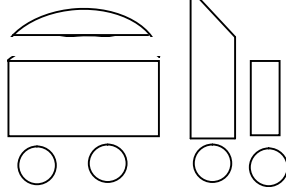
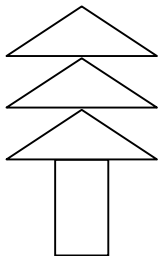


- Vẽ và ghi tên hình chữ nhật (nối 4 điểm trên giấy kẻ ô vuông để đ-ợc hình chữ nhật, chẳng hạn hình chữ nhật ABCH, hình chữ nhật MNPQ).



- Nhận biết đ-ợc hình chữ nhật trong tập hợp một số hình (có cả hình không phải là hình chữ nhật), chẳng hạn:

Tô màu (hoặc đánh dấu x) vào hình chữ nhật có trong mỗi hình sau:

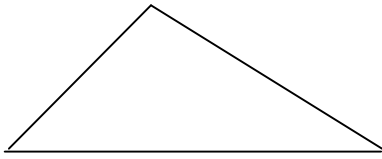


- Thực hành củng cố nhận biết hình chữ nhật:

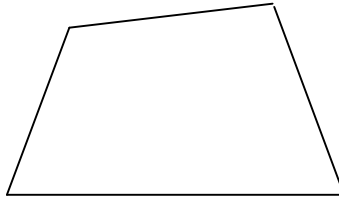
Ví dụ: Bài 1 trang 85:

Mỗi hình d-ới đây là hình gì?

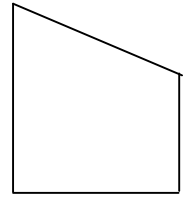
a)



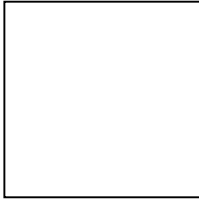
b)



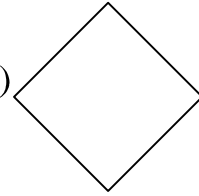
c)



d)



g)

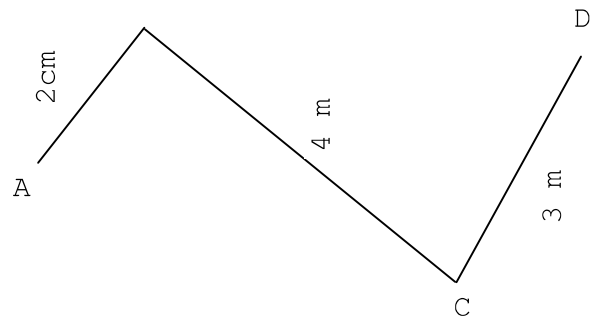


e. Nhận biết đ-ờng gấp khúc:

Giáo viên cho học sinh quan sát đ-ờng gấp khúc ABCD.

Đ-ờng gấp khúc ABCD gồm 3 đoạn thẳng: AB, BC và CD .

Độ dài đ-ờng gấp khúc ABCD là tổng độ dài các đoạn thẳng của đ-ờng gấp khúc đó



Đ-ờng gấp khúc ABCD

Giáo viên giới thiệu:

Đây là đ-ờng gấp khúc ABCD (chỉ vào hình vẽ). Học sinh lần 1-ợt nhắc lại: “Đ-ờng gấp khúc ABCD”.

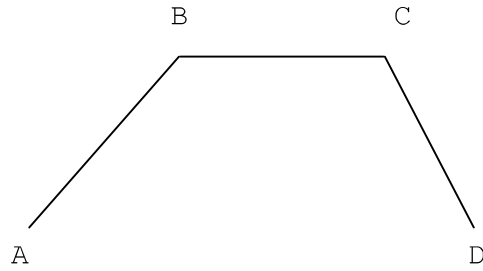
Giáo viên hỏi: Đ-ờng gấp khúc này gồm mấy đoạn thẳng? Học sinh nêu: Gồm 3 đoạn thẳng AB, BC, CD (B là điểm chung của hai đoạn thẳng AB và BC, C là điểm chung của hai đoạn thẳng BC và CD).

Học sinh đ-ợc thực hành ở tiếp bài tập 3 (trang 104).

Ghi tên các đ-ờng gấp khúc có trong hình vẽ sau, biết:

+ Đ-ờng gấp khúc đó gồm 3 đoạn thẳng.

+ Đ-ờng gấp khúc đó gồm 2 đoạn thẳng.



Yêu cầu câu sinh ghi tên đ-ờng gấp khúc

Giáo viên cho học sinh dùng bút chì màu và phân biệt các đ-ờng gấp khúc có đoạn thẳng chung:

a. Đ-ờng gấp khúc gồm 3 đoạn thẳng là: AB, BC, CD.

b. Đ-ờng gấp khúc gồm 2 đoạn thẳng là: BC và CD.

2. Về “Hình vẽ”.

ở lớp 1,2,3 học sinh đ-ợc làm quen với hoạt động vẽ hình đơn giản theo các hình thức sau:

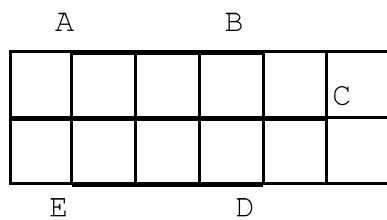
a. Vẽ hình không yêu cầu có số đo các kích th-ớc.

Vẽ hình trên giấy ô vuông

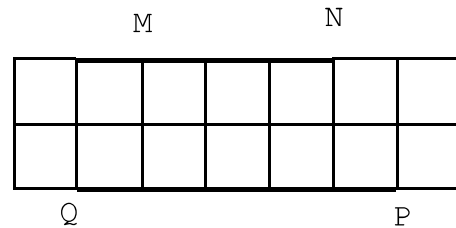
Ví dụ bài 1 trang 23.

Dùng th-ớc và ghép nối các điểm.

a) Hình chữ nhật



b) Hình tứ giác.

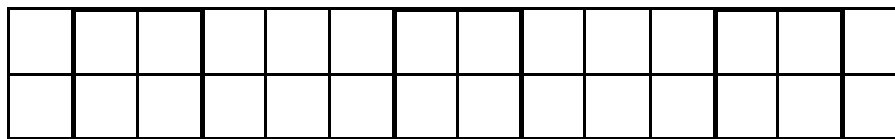


Yêu cầu b-ớc đầu học sinh vẽ đ-ợc hình chữ nhật, hình tứ giác (nối các điểm có sẵn trên giấy kẻ ô ly).

b. Vẽ hình theo mẫu:

Ví dụ bài 4 trang 59.

Vẽ hình theo mẫu.



MÉu

- Giáo viên cho học sinh nhìn kỹ mẫu rồi lần lượt chấm từng điểm vào sổ:
Dùng thước kẻ và bút nối các điểm để có hình vuông.

c. Vẽ đường thẳng.

Ví dụ bài 4 trang 74

Vẽ đường thẳng.

a) Đi qua hai điểm M, N

b) Đi qua điểm O

M

N

O

A

c) Đi qua hai trong ba điểm A, B, C.

B

C

Sau khi giáo viên đã dạy bài đường thẳng và cách vẽ bài này là thực hành.

Phần (a). Vẽ đường thẳng đi qua 2 điểm MN.

Học sinh nêu cách vẽ:

Đặt thước sao cho 2 điểm M và N đều nằm trên mép thước. Kẻ đường thẳng đi qua 2 điểm MN.

Giáo viên : Nếu bài yêu cầu ta vẽ đoạn thẳng MN thì ta vẽ như thế nào?

Học sinh : Ta chỉ nối đoạn thẳng từ M tới N.

Giáo viên : Vẽ đoạn thẳng MN khác gì so với đường thẳng MN?

Học sinh : Khi vẽ đoạn thẳng ta chỉ cần nối M với N, còn khi vẽ đường

thẳng ta phải kéo dài về 2 phía MN.

Phần (b). Vẽ đường thẳng đi qua điểm O.

Giáo viên cho học sinh nêu cách vẽ: Đặt thước sao cho mép thước đi qua O sau đó kẻ 1 đường thẳng theo mép thước được đường thẳng qua O.

Học sinh tự vẽ → vẽ được nhiều đường thẳng qua O.

Giáo viên kết luận : Qua 1 điểm có “rất nhiều ” đường thẳng.

Phần (c). Vẽ đường thẳng đi qua 2 trong 3 điểm A, B, C.

Học sinh : Thực hiện thao tác nối.

Giáo viên yêu cầu kể tên các đường thẳng có trong hình.

Học sinh : Đường thẳng AB, BC, CA.

Giáo viên hỏi : Mỗi đường thẳng đi qua mấy điểm ? (đi qua 2 điểm).

Giáo viên cho học sinh thực hành vẽ đường thẳng.

Học sinh nêu cách vẽ: Kéo dài đường thẳng về 2 phía để có các đường thẳng.

Giáo viên hỏi : Ta có mấy đường thẳng? Đó là những đường thẳng nào?

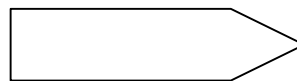
Học sinh : Ta có 3 đường thẳng đó là: đường thẳng AB, đường thẳng BC, đường thẳng CA.

b. Vẽ thêm đường thẳng để được hình mới:

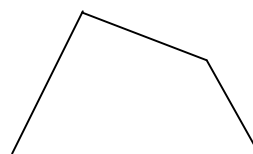
Ví dụ bài 3 trang 23.

Kẻ thêm một đoạn thẳng trong hình sau để được:

+ Một hình chữ nhật và một hình tam giác

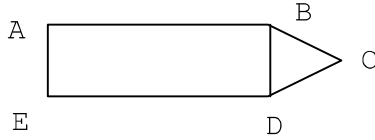


+ Ba hình tứ giác



* **Giáo viên:** Kẻ thêm nữa là vẽ thêm 1 đoạn nữa vào trong hình:

Giáo viên vẽ hình lên bảng và cho học sinh đặt tên cho hình:



Giáo viên hỏi : Con vẽ thế nào?

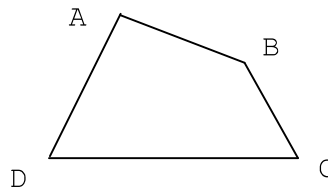
Học sinh : Con nối A với D.

Giáo viên cho học sinh đọc tên hình:

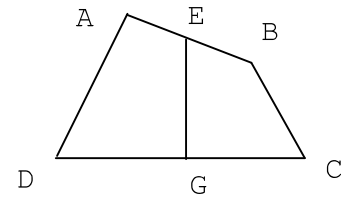
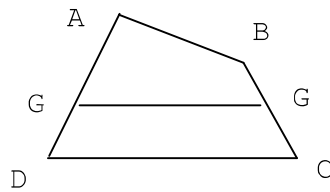
Hình chữ nhật ABCD

Hình tam giác BCD

Học sinh đặt tên cho hình:



Cho học sinh tự kẻ:



Hoặc:

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc tên các hình vẽ đ-ợc trong cả 2 cách vẽ.

Học sinh đọc tên hình: ABGE, EGCD, ABCD và AEGD, BCGE, ABCD.

* Khi dạy học sinh cách vẽ hình, dựng hình thì th-ờng tuân thủ theo các b-ớc sau:

a. H-ớng dẫn học sinh biết cách sử dụng th-ớc kẻ, bút chì, bút mực để vẽ hình. Cần sử dụng hợp lý chức năng của mỗi dụng cụ, th-ớc thẳng có vạch chia dùng để đo độ dài đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng (đ-ờng thẳng), th-ớc thẳng còn dùng để kiểm tra sự thẳng hàng của các điểm.

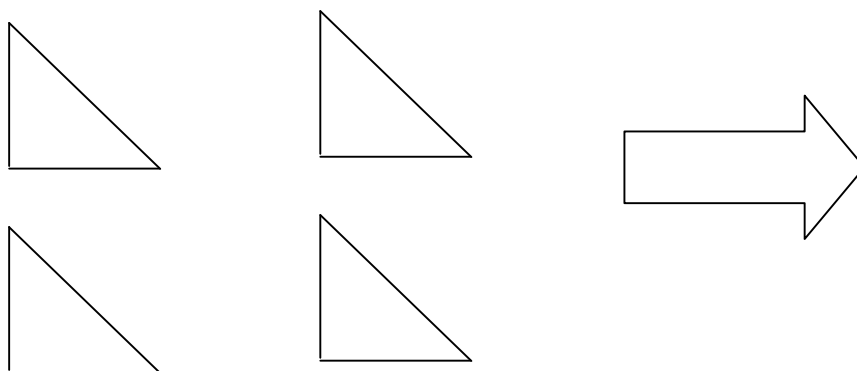
b. Học sinh phải đ- ọc h- ớng dẫn và đ- ọc luyện tập kỹ năng về hình, dựng hình theo quy trình hợp lý thể hiện đ- ợc những đặc điểm của hình phải vẽ.

c. Hình vẽ phải rõ ràng, chuẩn xác về hình dạng và đặc điểm, các nét vẽ phải mảnh, không nhoè, không tẩy xoá.

3. Về xếp, ghép hình:

Ví dụ Bài 5 (trang 178).

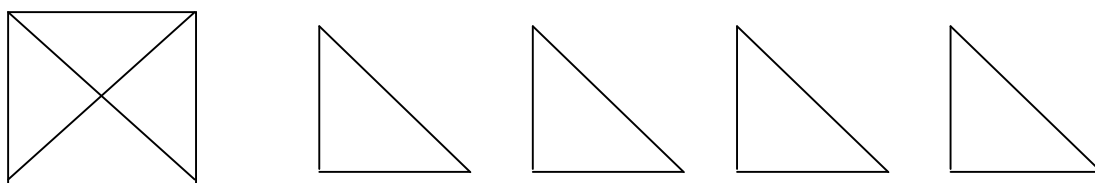
Xếp 4 hình tam giác thành hình mũi tên:



- Yêu cầu của bài “xếp, ghép hình” ở lớp 2 là: Từ 4 hình tam giác đã cho, học sinh xếp, ghép đ- ợc thành hình mới theo yêu cầu đề bài (chẳng hạn ở ví dụ trên là xếp thành “hình mũi tên”).

- Cách thực hiện:

Mỗi học sinh cần có một bộ hình tam giác để xếp hình (bộ xếp hình này có trong hộp đồ dùng học toán lớp 2, hoặc học sinh có thể tự làm bằng cách từ một hình vuông cắt theo 2 đ- ờng chéo để đ- ợc 4 hình tam giác).



Học sinh lựa chọn vị trí thích hợp để xếp, ghép 4 hình tam giác thành hình mới (chẳng hạn nh- hình mũi tên).

